

Tòa án trực tuyến thúc đẩy việc tiếp cận công lý

Dương Quỳnh Hoa*

Nhận ngày 04 tháng 01 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2024.

Tóm tắt: Quyền tiếp cận tòa án là quyền cơ bản của con người, tuy nhiên trong bối cảnh nền kinh tế số, với các quy định pháp luật hiện hành các bên tranh chấp thương mại điện tử và vi phạm bản quyền lại rất khó để tiếp cận tòa án. Để ứng phó với thách thức này, một số nước đã thành lập Tòa án Internet để chuyển giải quyết các loại tranh chấp này từ tòa án thực sang Internet và dùng công nghệ Blockchain để lưu giữ, bảo quản chứng cứ. Việc làm này là sự đổi mới quan trọng về mặt tư pháp, giúp tăng cường khả năng tiếp cận công lý, tuy nhiên, nó cũng nảy sinh nhiều điều cần suy ngẫm: liệu thủ tục tố tụng có được đảm bảo không? phiên tòa công khai có được thực hiện đầy đủ không? chứng cứ dựa trên blockchain có hoàn toàn được chấp nhận không?... Bài viết¹ sẽ lần lượt trả lời các câu hỏi này và lập luận rằng công lý thực sự không chỉ theo đuổi sự đúng đắn tuyệt đối mà còn phải tạo ra sự cân bằng giữa tính đúng đắn và tính hiệu quả.

Từ khóa: Tòa án trực tuyến, tòa án Internet, giải quyết tranh chấp thương mại, tiếp cận công lý, chứng cứ dựa trên công nghệ blockchain.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: The right to access the court is a basic human right, however, under the impact of the digital economy, with current legal regulations, it is very difficult for parties of e-commerce disputes and copyright infringement to access off the court. To cope with this challenge, some countries have established Internet courts to transfer the resolution of these disputes from the real courts to the Internet courts and use blockchain technology to secure evidences. This work is considered an important judicial innovation, helping to increase people's access to justice, however, it also raises many problems, such as whether or not the legal processes are guarantee, the public trials are fully implemented, the blockchain-based evidences are completely acceptable, etc. The article will answer these questions in turn and argue that the true justice must not only pursue absolute correctness but also create a balance between correctness and efficiency.

Keywords: Online court, Internet court, commercial dispute resolution, access to justice, blockchain-based evidence.

Subject classification: Jurisprudence

1. Đặt vấn đề

Quyền được tiếp cận các biện pháp pháp lý thông qua việc tiếp cận tòa án một cách cởi mở là quyền cơ bản của con người được bảo đảm bởi hiến pháp của các xã hội văn minh. Chi phí quá cao cộng với sự bất tiện về mặt thủ tục có lẽ là rào cản chính mà mọi người phải đối mặt khi tiếp cận tòa án (Dorcas Quek Anderson, 2019: 12). Do đó, tăng cường khả năng tiếp cận tòa án trở thành mục tiêu chính của đổi mới và cải cách tư pháp hiện nay (Deborah L. Rhode, 2004: 369).

* Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: Email: dqhoa77@gmail.com

¹ Nghiên cứu này là sản phẩm của đề tài cấp Bộ: “Giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng phương thức tòa án ở Việt Nam trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”, cơ quan chủ trì thực hiện: Viện Nhà nước và Pháp luật. Chủ nhiệm đề tài: Dương Quỳnh Hoa.

Với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế số, hầu hết các hoạt động thương mại đã chuyển từ thế giới vật chất sang Internet (Mary Shannon Martin, 2002: 128) và các tranh chấp phát sinh từ thương mại điện tử cũng tăng lên nhanh chóng. Người mua và người bán thương mại điện tử thường ở xa nhau, thậm chí ở các quốc gia khác nhau (Henry H. Perritt, Jr., 2000: 570). Khi tranh chấp phát sinh từ thương mại điện tử, người chịu thiệt thường là người tiêu dùng có khả năng đàm phán yếu (Henry H. Perritt, 2000: 698). Nếu người tiêu dùng muốn yêu cầu người bán bồi thường thiệt hại, theo truyền thống, họ phải nộp đơn kiện lên tòa án nơi đặt trụ sở chính (hoặc văn phòng kinh doanh chính) của người bán. Để khởi kiện, người tiêu dùng thường phải trả án phí cao, thời gian, công sức bỏ ra nhiều (David M. Trubek, Austin Sarat, William L. F. Felstiner & Herbert M. Kritzer, 1983: 74). Hơn nữa, chứng cứ của tranh chấp thương mại điện tử thường tồn tại trên Internet nên không dễ dàng trưng ra tại các tòa án thực tế. Ngoài ra, số tiền giao dịch trong thương mại điện tử thường nhỏ nhưng chi phí theo hệ thống giải quyết tranh chấp truyền thống có thể gần bằng hoặc thậm chí cao hơn số tiền bồi thường có thể yêu cầu, kết quả là nhiều khi bên bị thiệt hại thường không có động cơ khởi kiện (Keith N. Hylton, 1991: 120).

Do ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, sự phát triển nhanh chóng của Internet cũng như sự phát triển không ngừng của công nghệ truyền thông di động, lượng thông tin được lan truyền trên Internet ngày càng tăng (Steve Lawrence & C. Lee Giles, 1999: 116). Do các phương tiện truyền thông xã hội như Facebook, YouTube và Twitter... đã trở thành một phần trong cuộc sống, mỗi ngày người dùng lan truyền, phổ biến vô số tập tin (bao gồm bài viết, âm nhạc, phim,...) (Olufunmilayo B. Arewa, 2010: 433; Will Moseley, 2010: 311), trong số đó có nhiều tác phẩm có bản quyền được đưa lên mạng mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu, dẫn đến tình trạng vi phạm bản quyền thường xuyên xảy ra trên Internet (Jesse C. Bockstedt, Robert J. Kauffman & Frederick J. Riggins, 2006: 22; Timothy James Ryan, 2002: 495). Một số trang web thậm chí còn được thiết lập để phát tán các tác phẩm không được phép, gây thiệt hại lớn cho chủ sở hữu bản quyền.

Giống như trường hợp tranh chấp thương mại điện tử, nếu chủ sở hữu bản quyền muốn yêu cầu bồi thường thiệt hại do vi phạm bản quyền, họ thường phải nộp đơn kiện người điều hành trang web bất hợp pháp tại địa điểm đặt máy chủ của trang web đó (Darrel C. Menthe, 1998: 79; Raquel Xalabarder, 2002: 86). Chi phí thời gian và tiền bạc cho các vụ kiện nói chung là cao. Đặc biệt, chủ sở hữu bản quyền phải chứng minh hành vi vi phạm bản quyền (Lydia Pallas Loren & Anthony Reese, 2019: 621) nhưng lại không dễ dàng để cung cấp chứng cứ về vi phạm bản quyền trên Internet vì chứng cứ điện tử lưu trữ trên cơ sở dữ liệu tập trung hiện tại luôn gặp sự cố về bảo mật dữ liệu cũng như độ tin cậy của chứng cứ.

Hiện tại, ở nhiều hệ thống pháp luật, để thu thập và lưu giữ được chứng cứ vi phạm bản quyền trên Internet, chủ sở hữu phải trực tiếp đến văn phòng công chứng yêu cầu công chứng viên tải và in những trang web có nội dung vi phạm và chứng thực (Erick Robinson, 2016: 2). Do đó, quá trình thu thập chứng cứ sẽ khiến chủ sở hữu bản quyền tốn nhiều thời gian và tiền bạc hơn, khiến họ gặp khó khăn hơn trong việc đòi bồi thường thông qua khởi kiện tại tòa án truyền thống.

Tóm lại, tranh chấp thương mại điện tử và vi phạm bản quyền thường xuyên xảy ra trong thời đại kinh tế số hiện nay. Người chịu thiệt trong những tranh chấp này thường là những người có khả năng thương lượng yếu hơn trong xã hội. Để yêu cầu bồi thường thiệt hại, họ phải mất khá nhiều thời gian và tiền bạc để khởi kiện, nhưng số tiền bồi thường mà họ được nhận có thể lại thấp hơn chi phí bỏ ra (James J. Prescott, 2017: 1996). Có thể nói rằng, hệ thống tư pháp hiện hành không thân thiện và thường khó tiếp cận đối với những người có tranh chấp thương mại điện tử và vi phạm bản quyền đang tìm kiếm các biện pháp pháp lý để bảo vệ quyền lợi của mình. Do vậy, làm thế nào để thiết kế một hệ thống tư pháp thân thiện hơn, phù hợp hơn với các bên tranh chấp này đã trở thành một vấn đề pháp lý quan trọng trong kỷ nguyên kinh tế số.

Do các tranh chấp thương mại điện tử và hầu hết các hành vi vi phạm bản quyền đều xảy ra trên Internet và phần lớn các bằng chứng đều trực tuyến, nên một trong những giải pháp để các bên tranh chấp có thể thực hiện quyền tiếp cận tòa án mà không cần phải di chuyển một quãng đường dài và trả mức chi phí cao là chuyển sang tòa án trực tuyến (Brian A. Pappas, 2008: 12). Tuy nhiên, khi chuyển sang trực tuyến, các bên tranh chấp rất khó trong việc cung cấp chứng cứ về tranh chấp của người tiêu dùng hoặc vi phạm bản quyền trên Internet vì bất kỳ bằng chứng điện tử nào được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu tập trung hiện tại đều có vấn đề về bảo mật và độ tin cậy dữ liệu (Yu Xiong and Du Jiang, 1999). Vì vậy, làm thế nào để khắc phục rủi ro chứng cứ được lưu trữ trên Internet bị hack hoặc làm sai lệch sẽ là một trong những yếu tố then chốt để đánh giá sự thành công của các tòa án trực tuyến.

Với phương pháp luận biện chứng theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, kết hợp với các phương pháp nghiên cứu chính là phân tích, tổng hợp, văn bản học... Bài viết sẽ giải quyết vấn đề này thông qua việc phản ánh sâu sắc về các vấn đề có thể xảy ra với Tòa án Internet như vấn đề lưu giữ, bảo quản, củng cố chứng cứ điện tử bằng Blockchain; liệu thủ tục tố tụng có được đảm bảo hay không, liệu phiên tòa công khai có thể được thực hiện đầy đủ hay không và liệu bằng chứng dựa trên blockchain có hoàn toàn được chấp nhận hay không. Cuối cùng, bài viết này kết luận bằng một thảo luận về cách cân bằng hiệu quả của việc giải quyết tranh chấp bằng tòa án với tính đúng đắn của các phán quyết.

2. Lưu giữ, bảo quản và củng cố chứng cứ điện tử bằng Blockchain

2.1. Công nghệ chuỗi khối Blockchain

Blockchain là một loại cơ sở dữ liệu đặc biệt, còn được gọi là sổ cái kỹ thuật số phi tập trung ghi lại các giao dịch giữa hai bên một cách an toàn theo cách chống giả mạo. Những dữ liệu này được ghi lại bởi một mạng máy tính đặc biệt được phân phối trên khắp thế giới được gọi là các node. Khi người dùng bắt đầu một giao dịch, giao dịch đó sẽ được phát lên mạng. Mỗi node xác thực giao dịch bằng cách xác minh chữ ký số và dữ liệu giao dịch khác. Sau khi được xác minh, nó sẽ được thêm vào một khối cùng với các giao dịch đã được xác minh khác. Các khối này sẽ liên kết với nhau thông qua mật mã hàm băm (hash) và được sắp xếp theo trình tự thời gian để tạo thành một chuỗi (blockchain) được bảo mật bằng mật mã. Sự phi tập trung trong blockchain đề cập đến ý tưởng rằng trong một mạng Blockchain, không có cơ quan trung ương hoặc trung gian nào có quyền

kiểm soát luồng dữ liệu hoặc giao dịch mà thay vào đó, các máy tính hoạt động theo cơ chế đồng thuận, các giao dịch được xác minh và ghi lại bởi một mạng máy tính phân tán hoạt động cùng nhau để duy trì tính toàn vẹn của dữ liệu. Tất cả các tác nhân trong hệ thống có thể đồng ý về một sự thật duy nhất, ngay cả khi một số tác nhân trong hệ thống không hoạt động đúng. Chúng đảm bảo rằng tất cả các node trong mạng đều có cùng một bản sao sổ cái, chứa bản ghi của tất cả các giao dịch. Các thông tin lưu trữ trên Blockchain không thể bị thay đổi, viết đè hoặc xóa dưới bất kỳ hình thức nào. Cơ chế đồng thuận rất cần thiết cho các Blockchain vì Blockchain vốn không có cơ quan trung ương nào xác minh các giao dịch và duy trì tính toàn vẹn của mạng. Điều này hữu ích trong các tình huống mà mọi người cần phối hợp với người lạ hoặc khi họ muốn đảm bảo tính bảo mật và tính toàn vẹn của dữ liệu của họ.

2.2. Cách Blockchain lưu giữ, bảo quản và củng cố chứng cứ

Trước khi đưa dữ liệu vào Blockchain, người dùng có thể sử dụng hàm băm để mã hóa dữ liệu nhằm đảm bảo tính bảo mật của họ. Hàm băm là hàm một chiều cho phép người dùng chuyển đổi bất kỳ dữ liệu hoặc tệp kỹ thuật số nào thành giá trị băm 64 chữ số ở định dạng thập lục phân (Ralph C. Merkle, 1987: 370). Hàm băm cũng có khả năng chống va chạm (Bart Preneel, Rene' Govaerts & Joos Vandewalle, 1993: 369) vì gần như không thể tìm thấy một dữ liệu khác biệt có thể mang lại giá trị băm giống hệt nhau (Iftach Haitner, Minh. N.H, Shien Jin Ong, Omer Reingold & Salil Vadhan 2009: 1154). Do đó, giá trị băm có thể được áp dụng để chứng minh tính xác thực và tính toàn vẹn của dữ liệu bằng cách chạy lại hàm băm trên dữ liệu để xác minh xem có thể thu được cùng một giá trị băm hay không (Luca Henzen, Jean-Philippe Aumasson, Willi Meier & Raphael C.-W. Phan, 2010: 1746).

Hơn nữa, bất kỳ dữ liệu nào được lưu trữ trong Blockchain đều không thể thay đổi vì Blockchain lưu trữ lịch sử dữ liệu giao dịch theo cách nhạy cảm với sự thay đổi để những người dùng khác có thể dễ dàng nhận thấy sự thay đổi thông qua bất kỳ thao tác nào dù là nhỏ nhất và vô hiệu hóa các thay đổi hoặc thao tác đó. Ngoài ra, mỗi khối trên Blockchain có một dấu thời gian có thể được áp dụng để chứng minh thời gian giá trị băm của bất kỳ dữ liệu nào được nhập vào Blockchain. Do đó, công nghệ Blockchain có thể được áp dụng như một “bằng chứng tồn tại” được chấp nhận cho tất cả các loại tài liệu kỹ thuật số (Tom W. Bell, 2016: 465).

2.3. Hiệu quả pháp lý của việc lưu giữ, bảo quản và củng cố chứng cứ bằng Blockchain

Với các đặc điểm phi tập trung, minh bạch, bất biến, chống giả mạo, có thể truy nguyên và không thể phủ nhận, công nghệ chuỗi khối Blockchain là một cơ chế tuyệt vời để các bên lưu giữ chứng cứ về tranh chấp kinh doanh thương mại điện tử hoặc vi phạm bản quyền trên Internet (Yu Xiong and Du Jiang, 2019: 4). Bằng chứng được lưu giữ bởi chuỗi khối có thể được củng cố và có giá trị trong quá trình giải quyết vụ việc thông qua tòa án (Yu Xiong and Du Jiang, 2019: 4). Nếu nguyên đơn nộp đơn kiện, công nghệ Blockchain có thể giúp họ chứng minh rằng chứng cứ được lưu giữ chưa bao giờ bị giả mạo từ thời điểm bảo quản đến khi xét xử.

Chẳng hạn, chủ sở hữu bản quyền của một cuốn tiểu thuyết phát hiện ra rằng cuốn sách của cô ấy bị sao chép và phân phối bất hợp pháp trên một trang web và cô ấy muốn kiện người có hành vi vi phạm. Thông thường, cô ấy phải đích thân đến văn phòng công chứng để yêu cầu công chứng các trang web vi phạm. Công chứng viên sẽ in các trang web vi phạm và sau đó công chứng trên giấy. Loại bằng chứng có công chứng trên giấy này có thể khó sử dụng tại tòa án trực tuyến. Nếu cô ấy quét (scan) văn bản đã được công chứng thành một tệp điện tử và sử dụng nó tại tòa án trực tuyến thì có thể sẽ bị nghi ngờ về tính xác thực của nó.

Với sự hỗ trợ của Blockchain, cô ấy không cần phải trực tiếp đến văn phòng công chứng mà chỉ cần truy cập trang web vi phạm và sử dụng chương trình ghi màn hình để ghi lại quá trình thu thập chứng cứ. Ngoài việc lưu tệp bản ghi này, cô ấy có thể sử dụng phần mềm có hàm băm để băm tệp bản ghi thành giá trị băm 64-bit hoặc 256-bit (Rogaway Phillip and Thomas Shrimpton, 2004: 371) và tải giá trị băm này lên Blockchain (Jessie Willms, 2016). Mặc dù hàm băm được hiển thị cho từng giá trị node trong chuỗi khối, mỗi node chỉ có thể nhìn thấy giá trị băm của tệp bản ghi, nhưng không thể hoàn nguyên giá trị băm về tệp kỹ thuật số gốc vì hàm băm là hàm không thể đảo ngược. Do đó, tính bảo mật của tệp bản ghi gốc được đảm bảo. Hơn nữa, khi giá trị băm của tệp bản ghi đã được tải vào chuỗi khối, nó có thể được nhập vào khối gần nhất bằng dấu thời gian có thể được sử dụng để xác minh thời điểm giá trị băm được nhập vào chuỗi khối.

Với tệp bản ghi và giá trị băm trên Blockchain, cô ấy có thể nộp đơn kiện người vi phạm tại tòa án trực tuyến. Giả sử tòa án trực tuyến xét xử vụ án này sau nửa năm, trước tiên cô có thể sử dụng hồ sơ ghi âm làm bằng chứng vi phạm bản quyền. Nếu bị đơn đặt câu hỏi về tính xác thực của tệp kỹ thuật số, cô ấy có thể băm lại tệp hồ sơ trên trang web của tòa án trực tuyến và xác minh xem liệu có thu được cùng một giá trị băm hay không. Nếu câu trả lời là có thì có thể chứng minh rằng tệp bản ghi mà cô ấy sở hữu giống hệt với tệp bản ghi đã băm và nhập (giá trị băm) vào Blockchain nửa năm trước đó. Hơn nữa, dấu thời gian trong khối lưu trữ giá trị băm có thể cho biết thời gian giá trị băm được chèn vào chuỗi khối. Như vậy, nguyên đơn đã chứng minh được rằng hồ sơ ghi hành vi vi phạm bản quyền chưa bao giờ bị giả mạo.

Vì vậy, công nghệ Blockchain là một cơ chế tuyệt vời để những người bị vi phạm bản quyền lưu giữ bằng chứng trên Internet. Nếu chủ sở hữu bản quyền khởi kiện, công nghệ Blockchain có thể giúp họ chứng minh chứng cứ được lưu giữ chưa bao giờ bị giả mạo từ thời điểm bảo quản đến khi xét xử. Điều này có thể giải quyết vấn đề lưu trữ bằng chứng điện tử theo cách truyền thống trong cơ sở dữ liệu tập trung gặp vấn đề về tính bảo mật và độ tin cậy của dữ liệu (Yu Xiong and Du Jiang, 2019:1). Khi so sánh với việc công chứng truyền thống tốn kém và tốn thời gian, Blockchain có thể mang lại một giải pháp rẻ tiền, giải pháp thuận tiện và hiệu quả để bảo quản chứng cứ trực tuyến.

3. Cái giá phải trả cho sự thuận tiện: suy ngẫm về các Tòa án Internet

Tiếp cận công lý là mục tiêu quan trọng của cải cách tư pháp. Chi phí cao và sự bất tiện của việc khởi kiện và hầu tòa có lẽ là rào cản chính đối với người dân tiếp cận tòa án (Dorcas Quek Anderson, 2019: 12). Tòa án Internet có thể giảm chi phí và tăng cường sự

thuận tiện cho việc theo kiện tại tòa. Tuy nhiên, Tòa án Internet vẫn còn nhiều điểm cần suy nghĩ, đó là, liệu thủ tục tố tụng có được đảm bảo hay không, liệu phiên tòa công khai có thể được thực hiện đầy đủ hay không và hiện nay một số tòa án sử dụng công nghệ chuỗi khối Blockchain để lưu giữ và bảo quản chứng cứ, vậy liệu chứng cứ dựa trên blockchain có hoàn toàn được chấp nhận hay không.

3.1. Thủ tục tố tụng công bằng có được đảm bảo hay không

Thủ tục tố tụng công bằng, hợp pháp là một quyền cơ bản của con người trong Hiến pháp trong đó khả năng tiếp cận tòa án là một biểu hiện quan trọng nhất. Vì vậy, khi đánh giá tính hợp pháp và hiệu quả hoạt động của các Tòa án Internet, thủ tục này trở thành một yếu tố quan trọng. Liệu yếu tố này có được đảm bảo hay không?

3.1.1. Các bị đơn có thể không muốn sử dụng Tòa án Internet để giải quyết tranh chấp

Vì Tòa án Internet xét xử các vụ án liên quan đến tranh chấp qua Internet nên bị đơn phải có khả năng truy cập Internet. Tuy nhiên, có trường hợp các bị đơn không muốn hoặc không thể sử dụng tòa án trực tuyến để giải quyết tranh chấp. Trong trường hợp đó, quyền lợi của họ theo thủ tục tố tụng công bằng có bị xâm phạm hay không?

Để giải quyết mối lo ngại này, “Quy định về Tòa án Internet” của tòa án nhân dân tối cao Trung Quốc quy định rằng Tòa án Internet có thể quyết định chuyển một số thủ tục sang tòa án thực tế nếu một trong các bên yêu cầu (Điều 1, Quy định liên quan đến tòa án Internet). Nói cách khác, nếu bị đơn không sẵn sàng theo kiện tại Tòa án Internet, họ có thể yêu cầu Tòa án Internet chuyển một số thủ tục sang tòa án thực tế, tuy nhiên, việc này vẫn thuộc quyền quyết định của tòa án. Nếu Tòa án Internet không đồng ý với yêu cầu này thì bị đơn vẫn phải tham gia phiên tòa trực tuyến. Như vậy, thực tế Tòa án Internet có thể không đáp ứng mong muốn của bị đơn và buộc bị đơn vẫn phải giải quyết tranh chấp trên Internet. Nếu bị đơn hoàn toàn không thể truy cập Internet, hoặc nếu mạng Internet nơi anh ta sống ở tình trạng không truy cập được thì việc buộc bị đơn phải theo kiện trên Internet sẽ không công bằng.

3.1.2. Khó khăn đối với các bên trong việc trình bày đầy đủ các lập luận và đưa ra chứng cứ

Tòa án Internet có thể giảm chi phí và tăng sự thuận tiện cho các bên nhưng chi phí và sự thuận tiện chắc chắn không phải là yếu tố quan trọng nhất để mọi người đánh giá mức độ công bằng. Nhiều nghiên cứu cho thấy rằng cảm xúc và nhận thức của các đương sự, chẳng hạn như cảm giác được lắng nghe (Boddie v. Connecticut, 401 U. S. 371, 377, 1971), được chú ý (Julie M. Bradlow, 1988: 676) và được thấu hiểu, có đầy đủ cơ hội để bày tỏ mối quan ngại và nhận thức về việc được đối xử tôn trọng, có thể là những yếu tố quan trọng nhất trong tố tụng tư pháp (Dorcas Quek Anderson, 2019: 2).

Tất cả các tranh luận và chứng cứ được đưa ra tại Tòa án Internet phải được trình bày trực tuyến. Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra là liệu băng thông mạng có đủ hay không, điều kiện video và âm thanh có phù hợp hay không và liệu các biện pháp an ninh mạng có đủ hiệu quả để tránh sự can thiệp từ bên ngoài hay không sẽ ảnh hưởng đến chất lượng lời nói của các bên trên Tòa án Internet.

3.2. Phiên tòa xét xử công khai có thể được thực hiện đầy đủ hay không?

3.2.1. Chất lượng của các phiên tòa Internet có bị ảnh hưởng không?

Tính vật chất được xem là yếu tố quan trọng để các tòa án tạo ra chức năng mang tính biểu tượng của chúng (Jo Hynes, Nick Gill & Joe Tomlinson, 2020: 5). Tuy nhiên, bầu không khí của Tòa án Internet hoàn toàn khác với bầu không khí của tòa án vật lý. Cảm xúc của các đương sự về Tòa án Internet cũng khác với cảm xúc của các đương sự về tòa án thực tế. Các tòa án vật lý có bầu không khí tôn nghiêm, nhưng điều đó khó có thể có được ở các Tòa án Internet. Hơn nữa, giao tiếp trực tiếp được coi là hiệu quả hơn (Jo Hynes, Nick Gill & Joe Tomlinson, 2020: 6). Do các bên trong Tòa án Internet không tranh tụng trực tiếp và không ở cùng địa điểm vật lý với các thẩm phán nên một số ý kiến lo ngại rằng các đương sự có thể những hành vi thiếu tôn trọng hội đồng xét xử trong các phiên tòa Internet (Dorcas Quek Anderson, 2019: 14).

3.2.2. Quyền của người dự phiên tòa có thể bị ảnh hưởng

Thực tiễn pháp lý hiện nay là yêu cầu các tòa án phải mở cửa (Judith Resnik, 1987: 409) và bố trí một số ghế cho công chúng tới dự (William Burnham, 2002: A35). Tuy nhiên, các Tòa án Internet không có ghế cho công chúng ngồi thì có vi phạm quy tắc pháp lý cơ bản hiện hành này không? Trên thực tế, Tòa án Internet được phát sóng trực tiếp diễn biến phiên tòa. Bất kỳ ai đăng nhập vào nền tảng tố tụng của Tòa án Internet đều có thể theo dõi diễn biến này. Sau khi xét xử, các tệp video về phiên tòa sẽ vẫn còn lưu trên nền tảng tố tụng để bất kỳ ai, bất cứ lúc nào cũng có thể đăng nhập vào xem. Ở góc độ này, Tòa án Internet dường như đã bảo đảm được quyền của công chúng tham dự phiên tòa.

Tuy nhiên, cơ chế như vậy dường như chia người dân thành hai loại: những người có khả năng truy cập Internet và những người không có khả năng truy cập Internet. Những người không có khả năng truy cập Internet xem như đã bị tước quyền theo dõi các phiên xét xử của tòa.

3.3. Chứng cứ dựa trên Blockchain có được chấp nhận hoàn toàn hay không

3.3.1. Chứng cứ có thể vẫn là giả

Blockchain chỉ có thể chứng minh rằng giá trị băm của chứng cứ điện tử không bị giả mạo sau khi được đưa vào Blockchain chứ không thể chứng minh rằng chứng cứ ban đầu là đúng. Ví dụ: khi chứng cứ điện tử do nguyên đơn gửi được quét từ một tài liệu, nếu tài liệu gốc là giả thì chứng cứ điện tử vẫn là giả ngay cả khi nó được lưu trữ bởi Blockchain. Khi chứng cứ điện tử của nguyên đơn được thu thập từ Internet, nếu nguyên đơn làm sai lệch trang web của bị đơn và sau đó tuyên bố bị đơn vi phạm, chứng cứ điện tử vẫn là giả mạo ngay cả khi nó được lưu trữ bởi Blockchain. Do đó, ngay cả khi nguyên đơn sử dụng Blockchain để gửi chứng cứ điện tử thì vẫn không có gì đảm bảo rằng chứng cứ đó là thật. Nếu Tòa án Internet chỉ tin vào những chứng cứ mà nguyên đơn đã sử dụng Blockchain để bảo quản thì việc này cũng chưa hẳn đã chính xác.

3.3.2. Chuỗi khối Blockchain có thể bị tấn công

Chuỗi khối có thể được chia thành ba loại, cụ thể là chuỗi khối công khai (Public Blockchain), chuỗi khối liên minh (Consortium Blockchain) và chuỗi khối riêng (Private

Blockchain) (Xiwei Xu, Cesare Pautasso, Liming Zhu, Vincent Gramoli, Alexander Ponomarev, and Shiping Chen, 2016: 184). Chuỗi khối Bitcoin và chuỗi khối Ethereum đều là chuỗi khối công khai mở cho bất kỳ ai có kết nối Internet (Xiwei Xu, Cesare Pautasso, Liming Zhu, Vincent Gramoli, Alexander Ponomarev, and Shiping Chen, 2016: 184). Chuỗi khối có thể được bảo vệ khỏi bị tấn công và giả mạo vì tất cả các node trên chuỗi khối phải đạt được sự đồng thuận (Zibin Zheng, Shaoan Xie, Hong-Ning Dai, Xiangping Chen, and Huaimin Wang, 2018: 357). Nếu tin tặc muốn tấn công một chuỗi khối, hắn phải kiểm soát hơn 51% số node máy tính (Zibin Zheng, Shaoan Xie, Hong-Ning Dai, Xiangping Chen, and Huaimin Wang, 2018: 368). Vì chuỗi khối công khai thường có hàng triệu node nên tin tặc gần như không thể kiểm soát được hơn 51% số node. Vì vậy, tính bảo mật của các chuỗi khối công khai có thể được đảm bảo.

Tuy nhiên, các Blockchain công khai có một nhược điểm lớn là khi người dùng muốn tải dữ liệu lên thì họ sẽ phải trả phí hành chính cho hệ thống Blockchain (Xiwei Xu, Cesare Pautasso, Liming Zhu, Vincent Gramoli, Alexander Ponomarev, and Shiping Chen, 2016: 185). Do đó, khi một ứng dụng Blockchain phải tải một lượng lớn dữ liệu lên Blockchain, nhà phát triển thường không sử dụng Blockchain công khai vì chi phí sẽ rất cao (Elyes Ben Hamida, Kei Leo Brousmiche, Hugo Levard, 2017: 2). Đây là lý do tại sao Tòa án Internet chọn sử dụng chuỗi khối consortium.

Khác với chuỗi khối công khai, chuỗi khối consortium là một chuỗi khối được thiết lập bởi một số thành viên trong liên minh cho một mục đích cụ thể (Arati Baliga, 2017: 3). Do chuỗi khối consortium chỉ gồm vài chục node nên khả năng chống lại các cuộc tấn công của nó kém hơn nhiều so với blockchain công khai, (Amanda Davenport, and Xueping Liang, 2018) do đó, sẽ có những nghi ngờ rằng liệu nó có thể bị tấn công và giả mạo hay không, trừ khi tất cả các node trên chuỗi khối consortium đều hoàn toàn đáng tin cậy.

Ở Tòa án Internet Hàng Châu, Trung Quốc, chuỗi khối tư pháp chỉ chứa 13 node. Một người muốn làm sai lệch chứng cứ có thể tấn công vào chuỗi khối tư pháp này miễn là người đó có thể kiểm soát hầu hết các node. Để cải thiện tính công bằng và bảo mật dữ liệu của chuỗi khối consortium, trong số 13 node của chuỗi khối tư pháp của Tòa án Internet Hàng Châu bao gồm một số node đáng tin cậy như Viện thẩm định tư pháp của Hiệp hội công nghiệp máy tính Thượng Hải, Văn phòng công chứng Tiền Đường và Dịch vụ tài chính Ant. Về mặt lý thuyết, những người muốn làm giả bằng chứng ít có khả năng kiểm soát các node do Viện Thẩm định Tư pháp của Hiệp hội Công nghiệp Máy tính Thượng Hải và Văn phòng Công chứng Tiền Đường điều hành, nhưng họ chỉ chiếm hai trong số 13 node. Do đó, Blockchain tư pháp vẫn không loại bỏ hoàn toàn được những nghi ngờ rằng chứng cứ có thể bị giả mạo.

Do đó, thông tin được lưu trữ trong Blockchain tư pháp vẫn phải chịu sự kiểm tra theo đúng thủ tục trước khi được thừa nhận làm chứng cứ. Khi có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến tính xác thực của chứng cứ Blockchain thì một hệ thống giải quyết tranh chấp dựa trên blockchain khác có thể được yêu cầu để giải quyết (Darcy W.E. Allen, Aaron M. Lane & Marta Poblet, 2019: 16). Điều này sẽ càng làm phát sinh nhiều vấn đề hơn. Do đó, việc tối ưu hóa thuật toán đồng thuận của chuỗi khối consortium để đảm bảo an toàn dữ liệu và sự công bằng trong giải quyết tranh chấp trở thành chủ đề cực kỳ quan trọng của Tòa án Internet.

4. Kết luận

Những cân nhắc nói trên dựa trên việc theo đuổi các bản án, quyết định hoàn hảo và công lý thủ tục tuyệt đối. Để theo đuổi công lý thủ tục tuyệt đối và có thể có được những bản án, quyết định hoàn hảo, các phiên tòa buộc phải quay trở lại phòng xử án thực tế. Trong tình huống này, nguyên đơn có thể phải di chuyển một quãng đường dài để đến xét xử, và cả nguyên đơn và bị đơn đều phải dành thời gian và tiền bạc đáng kể cho việc giải quyết vụ việc. Đây có phải là công lý xét xử mà các đương sự mong muốn? Đặc biệt, khi số tiền yêu cầu bồi thường của nguyên đơn không cao, nguyên đơn có thể quyết định không khởi kiện vì lý do tốn thời gian và chi phí. Trong tình huống này, để theo đuổi một phán quyết hoàn hảo, nguyên đơn không thể đạt được công lý.

So với niềm tin truyền thống, các tòa án cần đảm bảo tính đúng đắn của bản án bất kể chi phí và thời gian thế nào thì hiện nay xu hướng mới thiết lập một mô hình tòa án mới để có thể sự cân bằng giữa tính đúng đắn, thời gian và chi phí (Rabeea Assy, 2017: 21). Internet Tòa án thực sự có thể đáp ứng tiêu chuẩn này và cũng tăng cường khả năng tiếp cận công lý.

Tài liệu tham khảo

- Bart Preneel, RenC Govaerts & Joos Vandewalle (1993). Hash Functions Based on Block Ciphers: a Synthetic Approach. in *Annual international cryptology conference*. 369.
- Brian A. Pappas, (2008). Online Court: Online Dispute Resolution & the Future of Small Claims. *UCLA Journal of Law & Technology*. 12.
- Darrel C. Menthe (1998). Jurisdiction in Cyberspace: A Theory of International Spaces. *Mich. Telecomm. & Tech. L. Rev.* 4. 79.
- David M. Trubek, Austin Sarat, William L. F. Felstiner & Herbert M. Kritzer. (1983). The Costs of Ordinary Litigation. *UCLA L. Rev.* 31. 74.
- Deborah L. Rhode (2004). Access to Justice: Connecting Principles to Practice. *Geo. J. Legal Ethics* 17. 369.
- Dorcas Quek Anderson. (2019). The convergence of ADR and ODR within the courts: The impact on access to justice. *Civil Justice Quarterly* 1. 12.
- Erick Robinson (2016). How to Obtain Effective Evidence in China. *Managing Intell. Prop.* 262. 14.
- Henry H. Peritt. (2000). Dispute Resolution in Cyberspace: Demand for New Forms of ADR. *Ohio St. J. of Disp. Resol.* 15. 698.
- James J. Prescott. (2017). Improving Access to Justice in State Courts with Platform Technology. *Vand L. Rev.* 70. 1996.
- Jesse C. Bockstedt, Robert J. Kauffman & Frederick J. Riggins. (2006). The Move to Artist-led On-line Music Distribution: a Theory-based Assessment and Prospects for Structural Changes in the Digital Music Market. *International Journal of Electronic Commerce*. 10. 22.
- Jo Hynes, Nick Gill & Joe Tomlinson. (2020). In defense of the hearing? Emerging geographies of publicness, materiality, access and communication in court hearings. *Geography Compass* 1. 5.
- Judith Resnik. (1987). Due Process: A Public Dimension. *U. Fla. L. Rev.* 39. 409.
- Julie M. Bradlow. (1988). Procedural Due Process Rights of Pro Se Civil Litigants. *U. Chi. L. Rev.* 55. 676.
- Keith N. Hylton. (1991). Litigation Costs and the Economic Theory of Tort Law. *U. Miami L. Rev.* 46. 120.

Lydia Pallas Loren & Anthony Reese. (2019). Proving Infringement: Burdens of Proof in Copyright Infringement Litigation. *Lewis & Clark L. Rev.* 23. 621.

Mary Shannon Martin. (2002). Keep It Online: The Hague Convention and the Need for Online Alternative Dispute Resolution in International Business-to-Consumer E-Commerce. *B.U. Int'l L.J.* 20. 128.

Olufunmilayo B. Arewa. (2010). YouTube, UGC, and Digital Music: Competing Business and Cultural Models in the Internet Age. *Nw. U. L. REV.* 104 , 433.

Ralph C. Merkle. (1987). A Digital Signature Based on a Conventional Encryption Function. in *Conference on the Theory and Application of Cryptographic Techniques*. 370.

Steve Lawrence & C. Lee Giles. (1999). Searching the web: General and Scientific Information Access. *IEEE Communications Magazine* 37. 116.

Tom W. Bell (2016). Copyrights, Privacy, and the Blockchain. *Ohio N.U. L. Rev.* 42. 465.

Will Moseley (2010). A New (Old) Solution for Online Copyright Enforcement after Thomas and Tenenbaum. *Berkeley Tech. L.J.* 25. 311.

Xiwei Xu, Cesare Pautasso, Liming Zhu, Vincent Gramoli, Alexander Ponomarev, and Shiping Chen. (2016). The Blockchain as a Software connector (*13th Working IEEE/IFIP Conference on Software Architecture*). 184.

Yu Xiong and Du Jiang. (2019). Electronic evidence preservation model based on blockchain in *Proceedings of the 3rd International Conference on Cryptography, Security and Privacy*. ACM accessed 29/12/2023, at 1. <https://dl.acm.org/citation.cfm?id=3309075>.

Zibin Zheng, Shaoan Xie, Hong-Ning Dai, Xiangping Chen, and Huaimin Wang. (2018). Blockchain Challenges and Opportunities: a Survey. *Int. J. Web and Grid Services*. 14. 357.